

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR ECONOMICS MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	7310101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, được đào tạo chuyên sâu về đầu tư phát triển và đầu tư tài chính; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

(2.1) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về đầu tư. Sau khi hoàn thành khóa học, cử nhân có thể triển khai lập, thẩm định, quản lý dự án cả khu vực công và khu vực tư; có năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư tài chính; có thể làm công tác hoạch định, quản lý nhà nước về đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương và trung ương.

(2.2) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư có khả năng độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo

(2.3) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

(2.4) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các Cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư từ cấp trung ương đến địa phương; Các công ty hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn đầu tư như các quỹ

đầu tư, công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng đầu tư; Các doanh nghiệp có triển khai các dự án đầu tư nhằm thực hiện các nghiệp vụ lập dự án, thẩm định dự án và quản trị dự án đầu tư; Các ngân hàng thương mại có thực hiện các nghiệp vụ đầu tư tài chính, thẩm định dự án đầu tư để tài trợ tín dụng; Cơ quan nghiên cứu, các trường đại học; Các tổ chức quốc tế; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

(2.5) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư khi xét tốt nghiệp phải đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và đầu tư, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. Nắm bắt được các văn bản pháp luật về đầu tư và quản lý dự án đầu tư để vận dụng vào các hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư tài chính.

7. Có kiến thức chuyên sâu, vận dụng thành thạo các nghiệp vụ lập, phân tích, thẩm định các dự án đầu tư phát triển cả khu vực công và khu vực tư qua đó đánh giá hiệu quả, của dự án để ra quyết định đầu tư, đề xuất chính sách quản lý hoạt động đầu tư cả khu vực công và khu vực tư.

8. Hiểu rõ quy trình quản lý dự án của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, khu vực công, nội dung các nghiệp vụ trong chu trình quản lý dự án, áp dụng các công cụ để quản trị dự án hiệu quả, đạt tiến độ, chất lượng với chi phí hợp lý.

9. Phân tích, đánh giá được rủi ro kinh tế vĩ mô, rủi ro ngành nghề và rủi ro tài chính ảnh hưởng đến dự án đầu tư phát triển và đầu tư tài chính từ đó hoạch định các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến hoạt động đầu tư.

10. Có kỹ năng phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp và tổ chức kinh tế để phục vụ các công tác quản trị tài chính dự án, phát hành huy động vốn.

11. Có kiến thức chuyên sâu và vận dụng các công cụ phân tích, định giá tài sản để ra quyết định đầu tư tài chính của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, ngân hàng, quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

12. Kỹ năng phân tích: thành thạo trong việc phân tích, tổng hợp và xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư như lựa chọn cơ hội đầu tư; xác định kết quả và hiệu quả đầu tư; đánh giá rủi ro đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư.

13. Có kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, nghiên cứu các vấn đề kinh tế và đầu tư; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

14. Kỹ năng hoạch định chính sách: Có khả năng xây dựng các chiến lược, kế hoạch đầu tư, xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư của các tổ chức kinh tế - xã hội.

15. Kỹ năng quản lý và giám sát các chương trình hay dự án đầu tư: Có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách đầu tư, các chương trình, dự án đầu tư.

2.2.2. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

17. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Về phẩm chất đạo đức

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động của hoạt động đầu tư đến đời sống kinh tế xã hội, đề xuất các giải pháp và chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư và các nghiệp vụ thông thường.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1.Giáo dục đại cương																						
1	TOCC01	Toán cao cấp 1			x																	
2	TOCC02	Toán cao cấp 2			x																	
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x		x										x				x	x
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	x	x		x	x															
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	x	x		x	x															
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x												x					
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x	x	x		x														x	x
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x	x	x		x														x	x
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương		x	x												x				x	x
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x		x										x					
11	TOĐC06	Tin học đại cương			x															x		
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x																	
13	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	x	x	x															x	x	x
14	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	x	x	x																	
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	x	x	x																	
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	x	x	x																	
15	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1																	x			
16	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2																	x			
17	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3																	x			
18	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4																	x			

2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành

[illegible]

3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành

1	LUKT02	Pháp luật kinh tế		X		X										X					
2	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế								X	X				X		X				
3	TCCO21	Quản lý tài chính công									X	X	X	X	X						
4	QTHO06	Quản trị học	X	X	X	X	X				X	X									
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	X	X	X	X	X														
6	QTCL01	Quản trị chiến lược								X	X	X									

4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành

[illegible]

5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành

1	TCKH04	Kế toán tài chính					X	X	X	X	X	X	X	X						
2	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh					X		X	X	X	X								
3	TCTH11	Thuế					X	X	X	X	X	X								
4	TCQT13	Tài chính quốc tế					X	X		X	X	X								

6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành

[illegible]

[illegible]

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	3,5 - 4 năm
5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	130 tín chỉ
6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>9.1. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	45 tín chỉ
<i>9.2 Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	26 tín chỉ
<i>9.3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	6 tín chỉ
<i>9.4. Kiến thức ngành bắt buộc:</i>	12 tín chỉ
<i>9.5. Kiến thức ngành lựa chọn:</i>	6 tín chỉ
<i>9.6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	25 tín chỉ
<i>9.7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	6 tín chỉ
<i>9.8. Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	6 tín chỉ
<i>Tổng số tín chỉ:</i>	<i>130 tín chỉ</i>

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			45	
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	1
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	2
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	1
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	2
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
13	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
14	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
15	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3	1
16	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3	2
17	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3	3
18	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3	4
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			26	
1	CSCS11	Chính sách công	3	3
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
5	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
6	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
7	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
8	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	2
9	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	5
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			12	
1	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	2
2	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế	3	6
3	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
4	QTHO06	Quản trị học	3	3
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	3
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	4

4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			12	
1	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	3
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	4
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Ngành			6	
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4
2	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	2	4
3	TCTH11	Thuế	3	5
4	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	6
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			25	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
3	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
5	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3	7
6	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
7	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
8	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	5
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	6
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	QTDQ10	Đầu tư quốc tế	3	6
4	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	3	7
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn TN)			6	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG		(Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	